

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 3862/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hoạt động và ngân sách thực hiện cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2022;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 18/TTr-SKHCN ngày 01/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2022 (Kế hoạch kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học

và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở: TP, Nội Vụ, TC;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Các phòng: TH, HCTC,
- TT công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (H<sup>T</sup>N-30b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Hà**

**KẾ HOẠCH**

**Kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh năm 2022**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

a) Đánh giá tình hình duy trì, hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (sau đây viết tắt là HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Thu thập những đề xuất, kiến nghị, hạn chế, thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện; đề xuất các giải pháp, phương thức hoạt động có hiệu quả hơn về việc áp dụng, duy trì HTQLCL trong cơ quan hành chính nhà nước.

c) Tổng hợp báo cáo tình hình áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

**2. Yêu cầu**

a) Hoạt động kiểm tra phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch.

b) Chọn kiểm tra ngẫu nhiên từ 03 - 05 quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi đơn vị được kiểm tra.

c) Qua kiểm tra rút ra được những vấn đề cần quan tâm trong công tác duy trì, hiệu lực, hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các Cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; có kết luận rõ ràng, cụ thể về hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng tại đơn vị được kiểm tra.

**II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA****1. Nội dung kiểm tra**

a) Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

- Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan,

đơn vị;

- Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng.

- Sự tuân thủ của cơ quan, đơn vị đối với tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục và các quy định có liên quan khác.

- Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong Hệ thống quản lý chất lượng.

- Hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp.

- Hoạt động cải tiến trong HTQLCL.

b) Kiểm tra việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ

- Việc bảo đảm sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng.

- Việc người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL.

- Việc công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có).

- Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL.

## **2. Đối tượng, hình thức, thời gian kiểm tra**

- Tổng số cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra: 233, trong đó:

- + Kiểm tra qua báo cáo: 157 cơ quan.

- + Kiểm tra tại trụ sở cơ quan: 76 cơ quan, trong đó: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì kiểm tra tại 14 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; UBND cấp huyện. UBND cấp huyện chủ trì kiểm tra tại 62 UBND cấp xã thuộc địa bàn quản lý.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 9 đến tháng 11/2022.

*(Lịch kiểm tra cụ thể theo Phụ lục gửi kèm).*

## **III. KINH PHÍ KIỂM TRA**

Từ nguồn ngân sách thực hiện cải cách hành chính nhà nước của cấp tỉnh và cấp huyện năm 2022.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

a) Phổ biến, quán triệt nội dung kế hoạch này đến các đơn vị trực thuộc và tất cả cán bộ, công chức, viên chức;

b) Lập kế hoạch tự kiểm tra đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc về kết quả áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và báo cáo theo đề cương hướng dẫn cùng các tài liệu, bằng chứng có liên quan, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ *(sau khi nhận được Công văn kèm đề cương mẫu báo cáo)*.

c) Đối với các cơ quan được kiểm tra tại trụ sở làm việc: Cử cán bộ làm việc với Đoàn kiểm tra đủ, đúng thành phần; báo cáo về các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, tổ chức kiểm tra tại UBND cấp xã thuộc địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

## **2. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, quy định trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra; xây dựng đề cương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị báo cáo; xây dựng lịch kiểm tra cụ thể, thông báo và tiến hành kiểm tra các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo nội dung, thời gian của kế hoạch này.

b) Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, tồn tại và làm rõ những nguyên nhân, đề ra các giải pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại, phát huy các kết quả đạt được trong thời gian tới.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN**  
**HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
**TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
1.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN	-	X		
2.	Kho bạc nhà nước tỉnh	-nt-	-	X		
3.	Cục Hải quan	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
4.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
5.	Cục Thuế tỉnh	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
6.	Cục Quản lý thị trường	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
7.	Thanh tra tỉnh	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
8.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
9.	Sở Ngoại vụ	-nt-	-	X		
10.	Sở Thông tin & Truyền thông	-nt-	-	X		
11.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-nt-	-	X		
12.	Sở Nông nghiệp và PTNT	-nt-	-	X		
13.	Sở Tài chính	-nt-	-	X		
14.	Ban Quản lý các KCN tỉnh	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
15.	Ban dân tộc tỉnh	-nt-	-	X		
16.	Sở Tài nguyên và Môi trường	-nt-	-	X		
17.	Sở Y tế	-nt-	-	X		
18.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-nt-	-	X		
19.	Sở Khoa học và Công nghệ	-nt-	-	X		
20.	Sở Tư pháp	-nt-	-	X		
21.	Sở Giao thông Vận tải	-nt-	-	X		
22.	Sở Xây dựng	-nt-	-	X		
23.	Sở Công Thương	-nt-	-	X		
24.	Sở Nội vụ	-nt-	-	X		
25.	Sở Giáo dục và Đào tạo	-nt-	-	X		
26.	Chi cục Thủy sản	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
27.	Chi cục Phát triển Nông thôn	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
28.	Chi cục An toàn VSTP	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
29.	Chi cục Kiểm lâm	-nt-	-	X		
30.	Chi cục Chăn nuôi & Thú y	-nt-	-	X		
31.	Chi cục Thủy lợi	-nt-	-	X		
32.	Chi cục Trồng trọt và BVTV	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
33.	Chi cục QLCL Nông lâm thủy sản	-nt-	-	X		
34.	Chi cục Dân số KHHGD	-nt-	-	X		
35.	UBND huyện Krông Búk	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
36.	UBND huyện Lắk	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
37.	UBND huyện Krông Pắc	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
38.	UBND huyện Krông Ana	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
39.	UBND huyện M'Đrăk	-nt-	-		X	Tháng 10/2022
40.	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	-nt-	-	X		
41.	UBND Thị xã Buôn Hồ	-nt-	-	X		
42.	UBND huyện Ea Súp	-nt-	-	X		
43.	UBND huyện Ea Kar	-nt-	-	X		
44.	UBND huyện Cư Kuin	-nt-	-	X		
45.	UBND huyện Ea H'leo	-nt-	-	X		
46.	UBND huyện Krông Bông	-nt-	-	X		
47.	UBND huyện Krông Năng	-nt-	-	X		
48.	UBND huyện Buôn Đôn	-nt-	-	X		
49.	UBND huyện Cư M'gar	-nt-	-	X		
<b>Huyện Krông Búk</b>						
50.	UBND xã Ea Ngai	UBND huyện Krông	-		X	UBND huyện Krông



TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
		Bú				Bú chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
51.	UBND xã Pong Drang	-nt-	-		X	
52.	UBND xã Cư Pong	Sở KH&CN	-	X		
53.	UBND xã Chư Kpô	-nt-	-	X		
54.	UBND xã Tân Lập	-nt-	-	X		
55.	UBND xã Cư Né	-nt-	-	X		
56.	UBND xã Ea Sin	-nt-	-	X		
<b>Huyện Lắk</b>						
57.	UBND thị trấn Liên Sơn	UBND huyện Lắk	-		X	UBND huyện Lắk chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
58.	UBND xã Yang Tao	-nt-	-		X	
59.	UBND xã Bông Krang	-nt-	-		X	
60.	UBND xã Đăk Liêng	-nt-	-		X	
61.	UBND xã Buôn Tría	Sở KH&CN	-	X		
62.	UBND xã Krông Nô	-nt-	-	X		
63.	UBND xã Ea Rbin	-nt-	-	X		
64.	UBND xã Nam Ka		-	X		
65.	UBND xã Đăk Nuê		-	X		
66.	UBND xã Đăk Phoi		-	X		
67.	UBND xã Buôn Triết		-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
<b>Huyện M'Đrăk</b>						
68.	UBND xã Cư Kroă	UBND huyện M'Đrăk	-		<b>X</b>	UBND huyện M'Đrăk chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
69.	UBND xã Ea Mđoal	-nt-	-		<b>X</b>	
70.	UBND xã Ea Mlây	-nt-	-		<b>X</b>	
71.	UBND xã Ea Riêng	-nt-	-		<b>X</b>	
72.	UBND xã Ea Lai		-		<b>X</b>	
73.	UBND xã Cư San	Sở KH&CN	-	<b>X</b>		
74.	UBND xã Ea Trang	-nt-	-	<b>X</b>		
75.	UBND xã Krông Á	-nt-	-	<b>X</b>		
76.	UBND xã Krông Jing	-nt-	-	<b>X</b>		
77.	UBND thị trấn M'Đrăk	-nt-	-	<b>X</b>		
78.	UBND xã Ea Pil	-nt-	-	<b>X</b>		
79.	UBND xã Cư Prao	-nt-	-	<b>X</b>		
80.	UBND xã Cư M'ta	-nt-	-	<b>X</b>		
<b>Huyện Ea Kar</b>						
81.	UBND xã Ea Kmut	UBND huyện EaKar	-		<b>X</b>	UBND huyện Ea Kar chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
82.	UBND xã Ea Tih	-nt-	-		<b>X</b>	
83.	UBND xã Cư Elang	-nt-	-		<b>X</b>	
84.	UBND xã Cư Prông	-nt-	-		<b>X</b>	

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
85.	UBND xã Cư Yang	-nt-	-		X	
86.	UBND thị trấn Ea Kar	Sở KH&CN	-	X		
87.	UBND xã Cư Huê	-nt-	-	X		
88.	UBND xã Xuân Phú	-nt-	-	X		
89.	UBND xã Ea Sô	-nt-	-	X		
90.	UBND xã Ea Sar	-nt-	-	X		
91.	UBND xã Cư Bông	-nt-	-	X		
92.	UBND thị trấn Ea Knốp	-nt-	-	X		
93.	UBND xã Ea Dar	-nt-	-	X		
94.	UBND xã Ea Ô	-nt-	-	X		
95.	UBND xã Ea Păl	-nt-	-	X		
96.	UBND xã Cư Ni	-nt-	-	X		
<b>Huyện Buôn Đôn</b>						
97.	UBND Xã Ea Huar	UBND huyện Buôn Đôn	-		X	UBND huyện Buôn Đôn chủ động tổ chức kiểm tra hoàn thành trước ngày 05/11/2022
98.	UBND Xã Krông Na	-nt-	-		X	
99.	UBND Xã Ea Bar	Sở KH&CN	-	X		
100.	UBND Xã Ea Nuôl	-nt-		X		
101.	UBND Xã Ea Wer	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
102.	UBND Xã Tân Hòa	-nt-	-	X		
103.	UBND Xã Cuôr Knia	-nt-	-	X		
<b>Huyện Ea Súp</b>						
104.	UBND xã Ea Lê	UBND huyện Ea Súp	-		X	UBND huyện Ea Súp chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
105.	Txhị trấn Ea Súp	-nt-	-		X	
106.	UBND xã Cư Kbang	-nt-	-		X	
107.	UBND xã Cư Mlan	Sở KH&CN	-	X		
108.	UBND xã Ia Lốp	-nt-	-	X		
109.	UBND xã Ia Rvê	-nt-	-	X		
110.	UBND xã Ya Tờ Mốt	-nt-	-	X		
111.	UBND xã Ea Rók	-nt-	-	X		
112.	UBND xã Ia Jloi	-nt-	-	X		
113.	UBND xã Ea Bung	-nt-	-	X		
<b>Huyện Cư Kuin</b>						
114.	UBND xã Cư Êwi	UBND huyện Cư Kuin	-		X	UBND huyện Cư Kuin chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
115.	UBND xã Ea Ktur	-nt-	-		X	
116.	UBND xã Dray Bhang	-nt-	-	X		
117.	UBND xã Ea Bhôk	Sở KH&CN	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
118.	UBND xã Hòa hiệp	-nt-	-	X		
119.	UBND xã Ea Tiêu	-nt-	-	X		
120.	UBND xã Ea Hu	-nt-	-	X		
121.	UBND xã Ea Ning	-nt-	-	X		
<b>Huyện Krông Pắc</b>						
122.	UBND xã Ea Kênh	UBND huyện Krông Pắc	-		X	UBND huyện Krông Pắc chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
123.	UBND xã Ea Yiêng	-nt-	-		X	
124.	UBND xã Ea Hiu	-nt-	-		X	
125.	UBND xã Ea Yông	-nt-	-		X	
126.	UBND xã Ea Kly	-nt-	-		X	
127.	UBND xã Tân Tiến	-nt-	-		X	
128.	UBND thị trấn Phước An	Sở KH&CN	-	X		
129.	UBND xã Hòa Đông	-nt-	-	X		
130.	UBND xã Ea Phê	-nt-	-	X		
131.	UBND xã Ea Kuăng	-nt-	-	X		
132.	UBND xã Vụ Bồn	-nt-	-	X		
133.	UBND xã Ea Uy	-nt-	-	X		
134.	UBND xã Krông Buk	-nt-	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
135.	Xã Hòa Tiến	-nt-	-	X		
136.	UBND xã Ea Knuéc	-nt-	-	X		
137.	UBND xã Hòa An	-nt-	-	X		
<b>Huyện Ea H'leo</b>						
138.	UBND xã Ea Dliê Yang	UBND huyện Ea H'leo	-		X	UBND huyện Ea H'leo chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
139.	UBND xã Ea H' Leo	-nt-	-		X	
140.	UBND xã Ea Ral	-nt-	-		X	
141.	UBND xã Ea Tir	-nt-	-		X	
142.	UBND thị trấn Ea Drăng	Sở KH&CN	-	X		
143.	UBND xã Ea Hiao	-nt-	-	X		
144.	UBND xã Ea Sol	-nt-	-	X		
145.	UBND xã Ea Nam	-nt-	-	X		
146.	UBND xã Cư Mốt	-nt-	-	X		
147.	UBND xã Ea Khăl	-nt-	-	X		
148.	UBND xã Ea Wy	-nt-	-	X		
149.	UBND xã Cư Amung	-nt-	-	X		
<b>Huyện Cư M'gar</b>						

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
150.	UBND thị trấn Ea Pók	UBND huyện Cư M'gar	-		<b>X</b>	UBND huyện Cư M'gar chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
151.	UBND xã Quảng Tiến	-nt-	-		<b>X</b>	
152.	UBND xã Quảng Hiệp	-nt-	-		<b>X</b>	
153.	UBND xã Ea Tul	-nt-	-		<b>X</b>	
154.	UBND xã Ea Tar	-nt-	-		<b>X</b>	
155.	UBND xã Ea M'nang	-nt-	-		<b>X</b>	
156.	UBND xã Ea Drong	Sở KH&CN	-	<b>X</b>		
157.	UBND xã Ea Kpam	-nt-	-	<b>X</b>		
158.	UBND xã Cuôr Đăng	-nt-	-	<b>X</b>		
159.	UBND xã Ea H'đing	-nt-	-	<b>X</b>		
160.	UBND xã Cư Suê	-nt-	-	<b>X</b>		
161.	UBND xã Cư Dliê M' nông	-nt-	-	<b>X</b>		
162.	UBND xã Ea Kuêh	-nt-	-	<b>X</b>		
163.	UBND xã Ea M'droh	-nt-	-	<b>X</b>		
164.	UBND xã Ea Kiết	-nt-	-	<b>X</b>		
165.	UBND xã Cư M'gar	-nt-	-	<b>X</b>		
166.	UBND thị trấn Quảng Phú	-nt-	-	<b>X</b>		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
<b>Huyện Krông Bông</b>						
167.	UBND xã Hòa Phong	UBND huyện Krông Bông	-		<b>X</b>	UBND huyện Krông Bông chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
168.	UBND xã Khuê Ngọc Điền	-nt-	-		<b>X</b>	
169.	UBND xã Cư Kty	-nt-	-		<b>X</b>	
170.	UBND xã Hòa Tân	-nt-	-		<b>X</b>	
171.	UBND xã Dang Kang	-nt-	-		<b>X</b>	
172.	UBND xã Hòa Sơn	Sở KH&CN	-	<b>X</b>		
173.	UBND thị trấn Krông Kmar	-nt-	-	<b>X</b>		
174.	UBND xã Cư pui	-nt-	-	<b>X</b>		
175.	UBND xã Cư Drăm	-nt-	-	<b>X</b>		
176.	UBND xã Yang Reh	-nt-	-	<b>X</b>		
177.	UBND xã Yang Mao	-nt-	-	<b>X</b>		
178.	UBND xã Ea Trul	-nt-	-	<b>X</b>		
179.	UBND xã Hòa Thành	-nt-	-	<b>X</b>		
180.	UBND xã Hòa Lễ	-nt-	-	<b>X</b>		
<b>Thành phố Buôn Ma Thuột</b>						
181.	UBND Phường Ea Tam	UBND TP. BMT	-		<b>X</b>	UBND thành phố Buôn Ma Thuột chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước 05/11/2022
182.	UBND Phường Khánh Xuân	-nt-	-		<b>X</b>	
183.	UBND Phường Tân Tiến	-nt-	-		<b>X</b>	



TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
184.	UBND xã Ea Kao	-nt-	-		X	
185.	UBND xã Hòa Thắng	-nt-	-		X	
186.	UBND xã Hòa Phú	-nt-	-		X	
187.	UBND xã Ea Tu	-nt-	-		X	
188.	UBND Phường Tân Lập	Sở KH&CN	-	X		
189.	UBND Phường Thành Công	-nt-	-	X		
190.	UBND Phường Thành Nhất	-nt-	-	X		
191.	UBND Phường Tự An	-nt-	-	X		
192.	UBND xã Cư Ê bur	-nt-	-	X		
193.	UBND Phường Thắng Lợi	-nt-	-	X		
194.	UBND Phường Thống Nhất	-nt-	-	X		
195.	UBND xã Hòa Khánh	-nt-	-	X		
196.	UBND xã Hòa Xuân	-nt-	-	X		
197.	UBND xã Hòa Thuận	-nt-	-	X		
198.	UBND Phường Tân Hòa	-nt-	-	X		
199.	UBND Phường Tân Thành	-nt-	-	X		
200.	UBND Phường Tân An	-nt-	-	X		
201.	UBND Phường Tân Lợi	-nt-	-	X		
<b>Huyện Krông Năng</b>						

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
202.	UBND thị trấn Krông Năng	UBND huyện Krông Năng	-		X	UBND huyện Krông Năng chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
203.	UBND xã Phú Lộc	-nt-	-		X	
204.	UBND xã Ea Tóh	-nt-	-		X	
205.	UBND xã Ea Tân	-nt-	-		X	
206.	UBND xã Phú Xuân	Sở KHCN	-	X		
207.	UBND xã Ea Tam	-nt-	-	X		
208.	UBND xã Ea Hồ	-nt-	-	X		
209.	UBND xã Dliê Ya	-nt-	-	X		
210.	UBND xã Cư Klông	-nt-	-	X		
211.	UBND xã Tam Giang	-nt-	-	X		
212.	UBND xã Ea Puk	-nt-	-	X		
213.	UBND xã Ea Đăh	-nt-	-	X		
<b>Thị xã Buôn Hồ</b>						
214.	UBND xã Bình Thuận	UBND Thị xã Buôn Hồ	-		X	UBND thị xã Buôn Hồ chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
215.	UBND Phường Thiện An	-nt-	-		X	
216.	UBND Phường Đoàn Kết	-nt-	-		X	
217.	UBND xã Ea Siên	-nt-	-		X	
218.	UBND Phường Bình Tân	Sở KHCN	-	X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
219.	UBND Phường Đạt Hiếu	-nt-	-	X		
220.	UBND xã Ea Blang	-nt-	-	X		
221.	UBND xã Cư Bao	-nt-	-	X		
222.	UBND Phường Thống Nhất	-nt-	-	X		
223.	UBND Phường An Bình	-nt-	-	X		
224.	UBND Phường An Lạc	-nt-	-	X		
225.	UBND xã Ea Drông	-nt-	-	X		
<b>Huyện Krông Ana</b>						
226.	UBND Xã Quảng Điền	UBND huyện Krông Ana	-		X	UBND huyện Krông Ana chủ động tổ chức kiểm tra, hoàn thành trước ngày 05/11/2022
227.	UBND Xã Bình Hòa	-nt-	-		X	
228.	UBND Xã Ea Na	-nt-	-		X	
229.	UBND thị trấn Buôn Tráp	Sở KHCN	-	X		
230.	UBND Xã Băng Adrênh	-nt-	-	X		
231.	UBND Xã Dray Sáp	-nt-	-	X		
232.	UBND Xã Dur Kmăl	-nt-	-	X		
233.	UBND Xã Ea Bông	-nt-	-	X		